|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HCM**TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC****ĐỀ CHÍNH THỨC***(Đề kiểm tra có 03 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ INĂM HỌC 2023 - 2024MÔN SINH HỌC – KHỐI 10***Thời gian làm bài: 45 Phút(Không kể thời gian phát đề)***MÃ ĐỀ 604** |
| Họ và tên: ......................................................... | Số báo danh: ……………………………..  |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm).**

**Câu 1.** Vùng nhân của tế bào nhân sơ có chứa cấu trúc nào sau đây?

 **A.** Một phân tử ADN dạng vòng, trần **B.** Nhiều phân tử ADN dạng vòng, trần

 **C.** Bộ NST 2n của loài **D.** ADN và protein histon

**Câu 2.** Lưới nội chất trơn **không** có chức năng nào sau đây?

 **A.** Vận chuyển nội bào. **B.** Chuyển hóa đường.

 **C.** Tổng hợp prôtêin. **D.** Tổng hợp lipit, phân giải chất độc.

**Câu 3.** Vì sao gọi là tế bào nhân thực?

 **A.** Vì nhân có kích thước lớn

 **B.** Vì có hệ thống nội màng

 **C.** Vì vật chất di truyền có màng nhân bao bọc

 **D.** Vì vật chất di truyền là ADN và Protein

**Câu 4.** Các thành phần **không** bắt buộc cấu tạo nên tế bào nhân sơ?

 **A.** Màng sinh chất, thành tế bào, vỏ nhày, vùng nhân.

 **B.** Vùng nhân, tế bào chất, roi, lông.

 **C.** Vỏ nhày, thành tế bào, roi, lông.

 **D.** Vùng nhân, tế bào chất, màng sinh chất, roi.

**Câu 5.** Bào quan chỉ có ở tế bào động vật là

1. lysosome. **B.** ribosome.

**C.** ti thể. **D.** bộ máy Golgi.

**Câu 6.** Năng lượng được sử dụng chủ yếu trong sự vận chuyển chủ động các chất là năng lượng trong phân tử

 **A.** Protein. **B.** ATP. **C.** ARN. **D.** Na+.

**Câu 7.** Các chất được vận chuyển qua màng tế bào thường ở dạng

 **A.** thể nguyên tử **B.** thể khí

 **C.** thể rắn **D.** hòa tan trong dung môi

**Câu 8.** Điểm giống nhau về cấu tạo giữa lục lạp và ti thể trong tế bào là

 **A.** có chứa sắc tố quang hợp. **B.** có chứa nhiều enzyme quang hợp

 **C.** được bao bọc bởi lớp màng kép. **D.** có chứa nhiều loại enzyme hô hấp.

**Câu 9.** Tế bào động vật được cấu tạo bởi các thành phần cơ bản sau:

 **A.** màng sinh chất, tế bào chất, vùng nhân .

 **B.** màng sinh chất, tế bào chất, và nhân.

 **C.** màng sinh chất, các bào quan, vùng nhân.

 **D.** nhân, tế bào chất, các bào quan.

**Câu 10.** Khác nhau của hai nhóm vi khuẩn G- và G+ là ở đặc điểm nào sau đây?

 **A.** Tế bào chất. **B.** Màng sinh chất.

 **C.** Thành peptidoglican. **D.** Vật chất di truyền.

**Câu 11.** Vùng nhân của tế bào nhân sơ làm nhiệm vụ nào sau đây?

 **A.** Mang thông tin di truyền quy định đặc điểm của tế bào

 **B.** Bảo vệ và quy định hình dạng tế bào.

 **C.** Thực hiện quá trình trao đổi chất.

 **D.** Nơi diễn ra các phản ứng trao đổi chất.

**Câu 12.** Chức năng của bộ máy Golgi trong tế bào là

 **A.** nơi xảy ra quá trình sinh tổng hợp prôtêin.

 **B.** lắp ráp, đóng gói và phân phối sản phẩm của tế bào.

 **C.** thực hiện quá trình quang hợp.

 **D.** phân hủy các hợp chất hữu cơ phức tạp thành chất đơn giản.

**Câu 13.** Trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào nhân thực là?

 **A.** Nhân tế bào **B.** Màng sinh chất **C.** Ribôxôm **D.** Vùng nhân

**Câu 14.** Vùng nhân của tế bào vi khuẩn có đặc điểm:

 **A.** Gồm một phân tử ADN dạng thẳng, đơn.

 **B.** Gồm một phân tử ADN liên kết với protein.

 **C.** Gồm một phân tử ADN mạch thẳng, xoắn kép.

 **D.** Gồm một phân tử ADN xoắn kép, dạng vòng.

**Câu 15.** Hoạt động nào sau đây xảy ra trên lưới nội chất hạt?

 **A.** Tổng hợp Pôlisaccarit cho tế bào.

 **B.** Tổng hợp các chất bài tiết.

 **C.** Tổng hợp Prôtêin.

 **D.** Ôxi hoá chất hữu cơ tạo năng lượng cho tế bào.

**Câu 16.** Ở động vật, bào quan có chức năng cung cấp năng lượng cho tế bào là

 **A.** ti thể. **B.** nhân. **C.** ribosome. **D.** lục lạp.

**Câu 17.** Chức năng trao đổi chất và bảo vệ cơ thể là của cơ quan nào?

1. Roi. **B.** Thành tế bào.

**C.** Nhân. **D.** Màng sinh chất.

**Câu 18.** Loại bào quan chỉ có ở tế bào thực vật, **không có** ở tế bào động vật là

 **A.** ti thể. **B.** lưới nội chất hạt.

 **C.** trung thể. **D.** lục lạp.

**Câu 19.** Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo từ:

1. Kitin. **B.** Pôlisaccarit.

**C.** Xenlulozo. **D.** Peptidoglican.

**Câu 20.** Môi trường đẳng trương là môi trường có nồng độ chất tan

 **A.** bằng nồng độ chất tan trong tế bào.

 **B.** luôn ổn định.

 **C.** thấp hơn nồng độ chất tan trong tế bào.

 **D.** cao hơn nồng độ chất tan trong tế bào.

**Câu 21.** Bào quan có mặt ở tế bào nhân sơ là:

 **A.** Trung thể. **B.** Ribôxôm. **C.** Lạp thể. **D.** Ti thể.

**Câu 22.** Nhập bào là phương thức vận chuyển

 **A.** chất có kích thước lớn.

 **B.** chất có kích thước nhỏ và mang điện.

 **C.** chất có kích thước nhỏ và không tan trong nước.

 **D.** chất có kích thước nhỏ và phân cực.

**Câu 23.** Cho các đặc điểm về thành phần và cấu tạo màng sinh chất

(1) Lớp kép photpholipit có các phân tử protein xen giữa

(2) Liên kết với các phân tử protein và lipit còn có các phân tử cacbohidrat

(3) Các phân tử photpholipit và protein thường xuyên chuyển động quanh vị trí nhất định của màng

(4) Xen giữa các phân tử photpholipit còn có các phân tử colesteron

(5) Xen giữa các phân tử photpholipit là các phân tử glicoprotein

Có mấy đặc điểm đúng theo mô hình khảm – động của màng sinh chất?

 **A.** 5 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 3

**Câu 24.** Cho các phát biểu sau:

(1) Các vi khuẩn được cấu tạo bằng tế bào nhân sơ

(2) Tế bào nhân sơ có cấu trúc nhân chưa hoàn chỉnh

(3) Vật chất di truyền của tế bào nhân sơ là các phân tử ADN vòng, trần

(4) Tế bào nhân sơ chỉ có bào quan duy nhất là lizoxom

(5) Màng nhân của tế bào nhân sơ là loại màng kép

Có bao nhiêu phát biểu đúng khi nói về tế bào nhân sơ?

 **A.** 3 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 5

**Câu 25.** Cho các phương thức vận chuyển các chất sau:

(1) Khuếch tán trực tiếp qua lớp kép photpholipit

(2) Khuếch tán qua kênh protein xuyên màng

(3) Nhờ sự biến dạng của màng tế bào

(4) Nhờ kênh protein đặc hiệu và tiêu hap ATP

Trong các phương thức trên, có mấy phương thức để đưa chất tan vào trong màng tế bào?

 **A.** 2 **B.** 1 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 26.** Sự vận chuyển chủ động và xuất nhập bào luôn tiêu hao ATP vì

 **A.** Phải sử dụng chất mang để tiến hành vận chuyển

 **B.** Vận chuyển ngược chiều nồng độ hoặc cần có sự biến dạng của màng sinh chất

 **C.** Các chất được vận chuyển có năng lượng lớn

 **D.** Tế bào chủ động lấy các chất nên phải mất năng lượng

**Câu 27.** Khi đặt 3 tế bào thực vật của cùng một mô vào trong 3 môi trường 1, 2, 3, người ta quan sát thấy các hiện tượng như hình vẽ dưới đây, trong đó mũi tên mô tả hướng di chuyển của các phân tử nước tự do.



Có bao nhiêu nhận xét dưới đây về thí nghiệm trên là đúng?

(1) Môi trường 1 là môi trường ưu trương, môi trường 3 là môi trương nhược trương so với tế bào.

(2) Trong môi trường 1, tế bào mất nước gây ra hiện tượng co nguyên sinh.

(3) Ở môi trường 3, nếu lượng nước từ bên ngoài di chuyển vào trong tế bào quá nhiều sẽ làm vỡ tế bào.

(4) Tế bào trong môi trường 2 sẽ có khối lượng và kích thước không đổi so với ban đầu.

 **A.** 2. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 1.

**Câu 28.** Nồng độ glucose trong máu là 1,2g/lít và trong nước tiểu là 0,9g/lít. Tế bào sẽ vận chuyển glucose bằng cách nào? Vì sao?

 **A.** Nhập bào, vì glucose có kích thước rất lớn.

 **B.** Thụ động, vì glucose trong máu cao hơn trong nước tiểu.

 **C.** Nhập bào, vì glucose có kích thước lớn.

 **D.** Chủ động, vì glucose là chất dinh dưỡng nuôi cơ thể.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1:** Tại sao những người bán rau cứ cách một khoảng thời gian lại phun nước lên rau? (1,0 điểm)

**Câu 2:** Phân biệt tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực theo các tiêu chí sau: (2,0 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tế bào nhân sơ** | **Tế bào nhân thực** |
| **Kích thước** |  |  |
| **Vật chất di truyền** |  |  |
| **Nhân** |  |  |
| **Đại diện** |  |  |

***------ HẾT ------***